

UBND TỈNH THANH HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THỦY LỢI BẮC SÔNG MÃ

Số: 767/BSM-KH&QLTT
V/việc báo cáo các chỉ tiêu thống kê năm 2022.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 11 năm 2022

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 5155/SNN&PTNT-TL ngày 24/11/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thanh Hóa về việc báo cáo các chỉ tiêu thống kê năm 2022.

Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Sông Mã tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thanh Hóa các chỉ tiêu thống kê năm 2022, gồm danh mục thống kê quản lý về chuyên ngành thủy lợi cấp tỉnh như sau:

1. Biểu 07/TL/N diện tích cây trồng ảnh hưởng bởi hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn;
2. Biểu 08/TL/N diện tích cây trồng ảnh hưởng bởi ngập lụt, úng;
3. Biểu 09a/TL/N diện tích gieo cây trồng hàng năm được tưới;
4. Biểu 09b/TL/N diện tích gieo cây trồng lâu năm được tưới;
5. Biểu 10a/TL/N diện tích gieo cây trồng hàng năm được tiêu;
6. Biểu 10b/TL/N diện tích gieo cây trồng lâu năm được tiêu;
7. Biểu 11/TL/N diện tích sản xuất nông nghiệp được tưới tiết kiệm nước;

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Trên đây là nội dung Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Bắc Sông Mã báo cáo các chỉ tiêu thống kê quản lý về chuyên ngành thủy lợi cấp tỉnh năm 2022.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Giám đốc Công ty (b/c);
- Phó Giám đốc Công ty;
- Lưu VT, KH&QLTT.



Nguyễn Ngọc Tuấn

DANH MỤC BẢNG THÔNG KÊ QUẢN LÝ VỀ CHUYÊN NGÀNH THỦY LỢI CẤP TỈNH
(năm 2022)

(Kèm theo Công văn số: 467/BSM-KH&QLTT ngày 29 / 11/ 2022)



TT	Số hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo
1	Biểu mẫu 7/TL/N	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng bởi hạn hán, thiếu nước, xâm nhập	Năm 2022
2	Biểu mẫu 8/TL/N	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng bởi ngập lụt, úng	Năm 2022
3	Biểu mẫu 9a/TL/N	Diện tích gieo trồng cây hằng năm được tưới	Năm 2022
4	Biểu mẫu 9b/TL/N	Diện tích gieo trồng cây lâu năm được tưới	Năm 2022
5	Biểu mẫu 10a/TL/N	Diện tích gieo trồng cây hằng năm được tiêu	Năm 2022
6	Biểu mẫu 10b/TL/N	Diện tích gieo trồng cây hằng năm được tiêu	Năm 2022
7	Biểu mẫu 11/TL/N	Tỉ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp được tưới tiên tiến tiết kiệm	Năm 2022

DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI HẠN HÁN, THIẾU NƯỚC, XÂM NHẬP MẶN(Kèm theo Công văn số: *87* /BSM-KH&QLTT ngày *19* / 11/ 2022)

Đơn vị: Ha

Huyện, thị..	Cây trồng hằng năm					Cây trồng lâu năm	
	Tổng số	Mất trắng	Chia ra:			Tổng số	Mất trắng
			Lúa	Rau, màu	Cây công nghiệp hằng năm		
A	1	2	3	4	5	6	7
Tổng cộng	3.554,00	-	3.395	159	-	-	-
I. Vụ Chiêm Xuân	1.550,00	-	1.476	74			
Hoàng Hóa	365,00		340	25			
Thành Phố	185,00		180	5			
Hậu Lộc	95,00		83	12			
Hà Trung	480,00		465	15			
Nga Sơn	338,00		328	10			
Bỉm Sơn	87,00		80	7			
II. Vụ Mùa	2.004,00	-	1.919	85			
Hoàng Hóa	310,00		280	30			
Thành Phố	187,00		180	7			
Hậu Lộc	604,00		594	10			
Hà Trung	482,00		465	17			
Nga Sơn	344,00		328	16			
Bỉm Sơn	77,00		72	5			
III. Vụ Đông	-						
Hoàng Hóa							
Thành Phố							
Hậu Lộc							
Hà Trung							
Nga Sơn							
Bỉm Sơn							



Biểu mẫu 8/TL/N

DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI NGẬP LỤT, ÚNG

(Kèm theo Công văn số: 367 /BSM-KH&QLTT ngày 29 / 11/ 2022)

Đơn vị tính: ha

Huyện, thị..	Cây trồng hằng năm					Cây trồng lâu năm	
	Tổng số	Mất trắng	Chia ra:			Tổng số	Mất trắng
			Lúa	Rau, màu	Cây công nghiệp hằng năm		
A	1	2	3	4	5	6	7
Tổng cộng	2.420,85	-	2.398,80	22,05	-	-	-
I. Vụ Chiêm Xuân	-	-	-	-			
Hoàng Hóa	-						
Thành Phố	-						
Hậu Lộc	-						
Hà Trung	-						
Nga Sơn	-						
Bỉm Sơn	-						
II. Vụ Mùa	2.420,85	-	2.398,80	22			
Hoàng Hóa	47,00		47				
Thành Phố	5,00		5				
Hậu Lộc	35,00		35				
Hà Trung	1.467,85		1456,8	11,05			
Nga Sơn	456,00		450	6			
Bỉm Sơn	410,00		405	5			
III. Vụ Đông	-						
Hoàng Hóa							
Thành Phố							
Hậu Lộc							
Hà Trung							
Nga Sơn							
Bỉm Sơn							

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÂY HÀNG NĂM ĐƯỢC TƯỚI
(Kèm theo Công văn số: 767/BSM-KH&QLTT ngày 09/11/2022)

Địa bàn	Tổng diện tích	Cây lúa					Cây rau, màu					Cây công nghiệp hằng năm					Đơn vị chiều dài: H
		Tổng diện tích	Chia theo hình thức tưới				Tổng diện tích	Chia theo hình thức tưới				Tổng diện tích	Chia theo hình thức tưới				
			Tưới tự chảy	Bơm điện	Bơm đầu	Khác		Tưới tự chảy	Bơm điện	Bơm đầu	Khác		Tưới tự chảy	Bơm điện	Bơm đầu	Khác	
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12	13	14	15	16	
Tổng cộng	58.603,09	41.900,83	382,00	41.518,83	-	-	14.659,96	69,00	14.541	-	-	2.042,30	-	2.042,30	-	-	
I. Vụ Chiêm Xuân	25.480,75	20.864,75	191,00	20.673,75	-	-	3.594,85	34,50	3.560,35	-	-	1.021,15	-	1.021,15	-	-	
Hoàng Hóa	8.413,53	6.891,00		6.891,00			1.522,53		1.522,53								
Thành Phố	950,58	868,97		868,97			81,61		81,61								
Hậu Lộc	5.332,62	4.549,83		4.549,83			782,79		782,79								
Hà Trung	3.633,71	3.343,45	191,00	3.152,45			290,26	21,00	269,26								
Nga Sơn	6.377,69	4.577,19		4.577,19			779,35		779,35			1.021,15		1.021,15			
Bỉm Sơn	772,62	634,31		634,31			138,31	13,50	124,81								
II. Vụ Mùa	25.585,64	21.036,08	191,00	20.845,08	-	-	3.528,41	34,50	3.493,91	-	-	1.021,15	-	1.021,15	-	-	
Hoàng Hóa	8.475,23	6.956,60		6.956,60			1.518,63		1.518,63								
Thành Phố	961,78	883,97		883,97			77,81		77,81								
Hậu Lộc	5.359,82	4.556,93		4.556,93			802,89		802,89								
Hà Trung	3.651,64	3.440,25	191,00	3.249,25			211,39	21,00	190,39								
Nga Sơn	6.377,72	4.577,19		4.577,19			779,38		779,38			1.021,15		1.021,15			
Bỉm Sơn	759,45	621,14		621,14			138,31	13,50	124,81								
III. Vụ Đông	7.536,70	-	-	-	-	-	7.536,70	-	7.487	-	-	-	-	-	-	-	
Hoàng Hóa	3.002,00	-					3.002,00		3.002,0								
Thành Phố	129,13	-					129,13		129,13								
Hậu Lộc	1.998,26	-					1.998,26		1.998,3								
Hà Trung	257,00	-					257,00	50	207								
Nga Sơn	2.057,00	-					2.057,00		2.057								
Bỉm Sơn	93,31	-					93,31		93,31								

ĐƠN VỊ CHẾ ĐẠC: HA

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÂY LÂU NĂM ĐƯỢC TƯỚI
(Kèm theo Công văn số: 747 /BSM-KH&QLTT ngày 29 / 11/ 2022)

Địa bàn	Cây lâu năm chia theo hình thức tưới					Trong đó: Cây công nghiệp lâu năm chia theo hình thức tưới				
	Tổng diện tích	Tưới tự chảy	Bơm điện	Bơm dầu	Khác	Tổng diện tích	Tưới tự chảy	Bơm điện	Bơm dầu	Khác
A	1	2	3	4	5	12	13	14	15	16
Tổng cộng										
Xã A										
Xã B										
Xã C										

Đơn vị chiều dài: Hm

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÂY HÀNG NĂM ĐƯỢC TIÊU

(Kèm theo Công văn số: 78/BSM-KH&QLTT ngày 29/11/2022)

Đơn vị chiếu dài: Ha

Địa bàn	Tổng diện tích	Cây lúa				Cây rau, màu					Cây công nghiệp hằng năm				
		Tổng diện tích	Chia theo hình thức tưới				Tổng diện tích	Chia theo hình thức tưới			Tổng diện tích	Chia theo hình thức tưới			
			Tự chảy	Bơm điện	Bơm dầu	Khác		Tự chảy	Bơm điện	Bơm dầu	Khác	Tưới tự chảy	Bơm điện	Bơm dầu	Khác
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16
Tổng cộng	58.069,09	41.458,83	23.051,98	18.406,85	-	-	14.567,96	9.481,23	5.086,73	-	-	2.042,30	-	-	-
I. Vụ Chiêm Xuân	25.238,75	20.643,75	11.463,74	9.180,01	-	-	3.573,85	2.128,97	1.444,88	-	-	1.021,15	-	-	-
Hoàng Hóa	8.413,53	6.891,00	4.799,50	2.091,50	-	-	1.522,53	986,96	535,57	-	-	-	-	-	-
Thành Phố	950,58	868,97	-	868,97	-	-	81,61	-	-	-	-	-	-	-	-
Hậu Lộc	5.332,62	4.549,83	4.195,15	354,68	-	-	782,79	691,39	91,40	-	-	-	-	-	-
Hà Trung	3.391,71	3.122,45	741,73	2.380,72	-	-	269,26	202,91	66,35	-	-	-	-	-	-
Nga Sơn	6.377,69	4.577,19	1.727,36	2.849,83	-	-	779,35	234,21	545,14	-	-	1.021,15	-	-	-
Bim Sơn	772,62	634,31	-	634,31	-	-	138,31	13,5	124,81	-	-	-	-	-	-
II. Vụ Mùa	25.343,64	20.815,08	11.588,24	9.226,84	-	-	3.507,41	2.061,00	1.446,41	-	-	1.021,15	-	-	-
Hoàng Hóa	8.475,23	6.956,60	4.865,10	2.091,50	-	-	1.518,63	983,06	535,57	-	-	-	-	-	-
Thành Phố	961,78	883,97	-	883,97	-	-	77,81	-	-	-	-	-	-	-	-
Hậu Lộc	5.359,82	4.556,93	4.202,25	354,68	-	-	802,89	711,49	91,40	-	-	-	-	-	-
Hà Trung	3.409,64	3.219,25	793,53	2.425,72	-	-	190,39	120,74	69,65	-	-	-	-	-	-
Nga Sơn	6.377,72	4.577,19	1.727,36	2.849,83	-	-	779,38	232,21	547,17	-	-	1.021,15	-	-	-
Bim Sơn	759,45	621,14	-	621,14	-	-	138,31	13,50	124,81	-	-	-	-	-	-
III. Vụ Đông	7.486,70	-	-	-	-	-	7.486,70	5.291,26	2.195,44	-	-	-	-	-	-
Hoàng Hóa	3.002,00	-	-	-	-	-	3.002,00	2.201,00	801	-	-	-	-	-	-
Thành Phố	129,13	-	-	-	-	-	129,13	-	-	-	-	-	-	-	-
Hậu Lộc	1.998,26	-	-	-	-	-	1.998,26	1.986,26	12	-	-	-	-	-	-
Hà Trung	207,00	-	-	-	-	-	207,00	207,00	-	-	-	-	-	-	-
Nga Sơn	2.057,00	-	-	-	-	-	2.057,00	897,00	1.160	-	-	-	-	-	-
Bim Sơn	93,31	-	-	-	-	-	93,31	-	93	-	-	-	-	-	-



DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÂY LÂU NĂM ĐƯỢC TIÊU
(Kèm theo Công văn số: 767/BSM-KH&QLTT ngày 29 / 11/ 2022)

Đơn vị chiều dài: Ha

Địa bàn	Cây lâu năm chia theo hình thức tiêu					Trong đó: Cây công nghiệp lâu năm chia theo hình thức tiêu				
	Tổng diện tích	Tưới tự chảy	Bơm điện	Bơm dầu	Khác	Tổng diện tích	Tưới tự chảy	Bơm điện	Bơm dầu	Khác
A	1	2	3	4	5	12	13	14	15	16
Tổng cộng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Xã A										
Xã B										
Xã C										



TỈ LỆ DIỆN TÍCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ĐƯỢC TƯỚI TIẾT KIỆM NƯỚC
(Kèm theo Công văn số: 767/BSM-KH&QLTT ngày 29 / 11/ 2022)

TT	Huyện, thị	Diện tích đất sản xuất NN cần tưới (ha)	Diện tích đất sản xuất NN được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (ha)	Trong đó		Tỉ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiết kiệm nước (%)
				Lúa	Cây trồng cạn	
	A	-1	(2)=(4)+(5)	-4	-5	(6)=(2)/(1)*100